

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-7-2022

“Xin ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hằng
2. Bà Huỳnh Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồ Quế Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: Không thuộc trường hợp tham gia phiên tòa.

Hôm nay, ngày 20 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 234/2022/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/QĐXXST- HNGĐ, ngày 14 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh Tr, sinh năm 1985, nơi cư trú: số 14/6, ấp Tân Th, xã Tân H, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long. (Xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Dương Minh T, sinh năm 1983 nơi cư trú: số 14/6, ấp Tân Th, xã Tân H, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/4/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh Tr trình bày:

Vào năm 2008 chị Tr và anh T do quen biết nhau nên tiến đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân H, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long được cấp giấy chứng nhận ngày 01/9/2010.

Trong thời kỳ hôn nhân chị Tr và anh Tiến có 01 con chung tên Dương Minh T, sinh ngày 08/4/2011. Sau khi kết hôn lúc đầu vợ chồng sống hạnh

phúc, đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, anh Tiến chưa có việc làm ổn định và vì vấn đề tiền bạc, kinh tế gia đình mà vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị Tr đã cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được, anh chị đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, trong thời gian sống ly thân anh T và chị Tr không có liên lạc nhau, không còn quan tâm nhau. Chị Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh Tr yêu cầu ly hôn với anh Dương Minh T.

Về con chung: Cháu Dương Minh T, sinh ngày 08/4/2011 khi ly hôn chị Tr yêu cầu nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Tiến phải cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: Tự thỏa thuận không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 14/6/2022 chị Tr xác định vẫn giữ yêu cầu khởi kiện và xin Tòa án xét xử vắng mặt.

* *Ý kiến trình bày của bị đơn anh T*: Từ khi thụ lý vụ án đến ngày xét xử sơ thẩm bị đơn anh Tiến hoàn toàn không có ý kiến gì gửi cho Tòa án.

* *Ý kiến cháu Dương Minh T1*: Nếu cha mẹ ly hôn con muốn sống chung với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thanh Tr có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Long Hồ giải quyết ly hôn anh Dương Minh T, sinh năm 1983 đăng ký nhân khẩu thường trú số 14/6, ấp Tân Thuận, xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Ngày 14 tháng 6 năm 2022 chị Nguyễn Thị Thanh Tr có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị Tr. Từ khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, được triệu tập họp lệ dự phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, triệu tập tham dự phiên tòa sơ thẩm ngày 04/7/2022 cho anh Dương Minh T1 đúng theo quy định của pháp luật nhưng anh T hoàn toàn không có ý kiến gì gửi cho Tòa án, cũng như tại phiên tòa hôm nay vắng mặt anh Tiến. Do đó, căn cứ Khoản 3 Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Dương Minh T1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân chị Nguyễn Thị Thanh Tr và anh Dương Minh T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân H, huyện Long H, tỉnh Vĩnh Long được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/9/2010 đúng theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Tr là hoàn toàn có cơ sở. Bởi vì, về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Tr và anh T trầm trọng là đúng, anh chị có thời gian sống ly thân rất lâu từ năm 2019 đến nay, vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T đã được triệu tập tham gia phiên hòa giải nhưng không tham gia và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của chị Tr, nên không có khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Thanh Tr được ly hôn với anh Dương Minh T.

[2.2] Về con chung: Cháu Dương Minh T1, sinh ngày 08/4/2011 chị Tr yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung của chị Tr là hoàn toàn có cơ sở vì từ khi anh chị sống ly thân đến nay thì cháu T1 sống với chị Tr, chị Tr nuôi dưỡng cháu T1 cũng đảm bảo tốt mọi mặt đời sống sinh hoạt của cháu, cho nên Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu T cho chị Tr tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu T1 là mong muốn tiếp tục sống chung với mẹ. Anh T không trực tiếp nuôi con chung nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, chị Tr không được ngăn cản. Về cấp dưỡng nuôi con chị Tr không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị Thanh Tr không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Chị Nguyễn Thị Thanh Tr phải nộp số tiền 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, 56 và Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh Tr đối với anh Dương Minh T. Cho chị Nguyễn Thị Thanh Tr ly hôn với anh Dương Minh T.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Minh T, sinh ngày 08/4/2011 cho chị Nguyễn Thị Thanh Tr tiếp tục nuôi dưỡng.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Dương Minh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

4. Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị Thanh Tr không tranh chấp không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Thanh Tr phải nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo lai thu số 0003838 ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ. Vậy chị Nguyễn Thị Thanh Tr đã nộp đủ không phải nộp thêm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Án xử công khai nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND. Tỉnh Vĩnh Long 01;
- VKSND.H Long Hồ 01;
- Chi cục THADS.H Long Hồ 01;
- UBND xã Tân Hạnh 01;
- Các đương sự 02;
- Lưu hồ sơ 01.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Diễm